CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9

Ngày 30/06/2025	2,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**33.3%**	**55.6%**

DT thuần
Q2/25
0
tỷ VNĐ

LN thuần
Q2/25
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06| -25.2%
YoY: ▼0.39| -434%

LN sau thuế
Q2/25
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06| -25.2%
YoY: ▼0.39| -434%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

ROE (TTM)
Q2/25
-15.3%
YoY: +/-▼ 4.5%

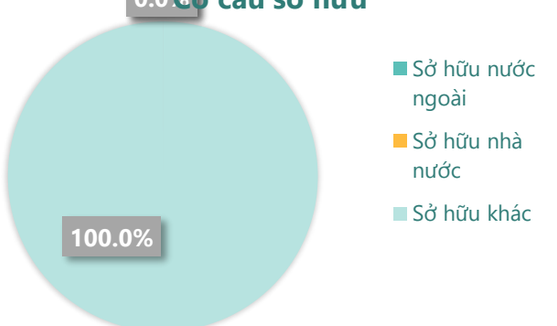
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,400 - 3,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34
Số lượng CPLH (CP)	12,023,613
KLGD BQ 20 phiên (CP)	99,965
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.46
EPS	-115
P/E	-24.4

DT thuần
6T 2025
0
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
-0.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.49| -1081%

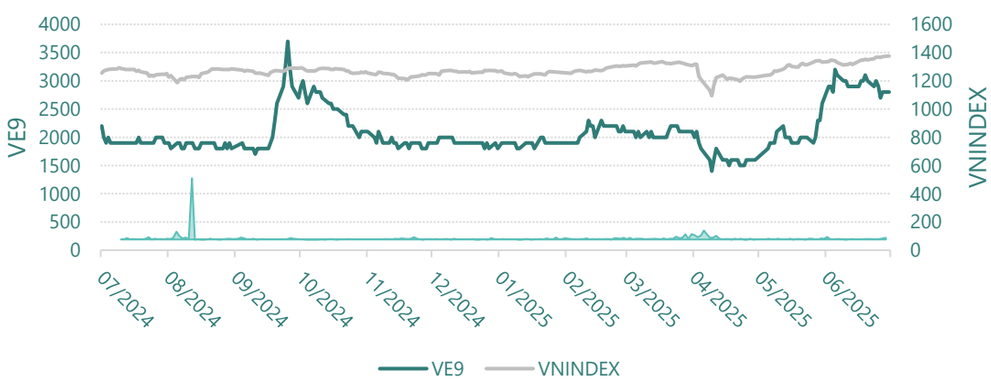
LN sau thuế
6T 2025
-0.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.49| -1081%

Cơ cấu sở hữu

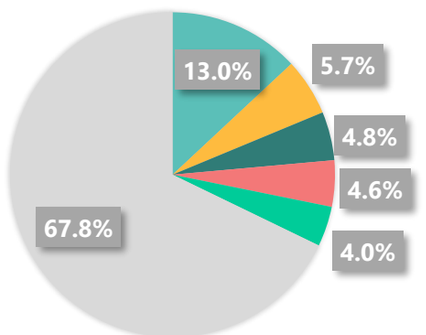


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

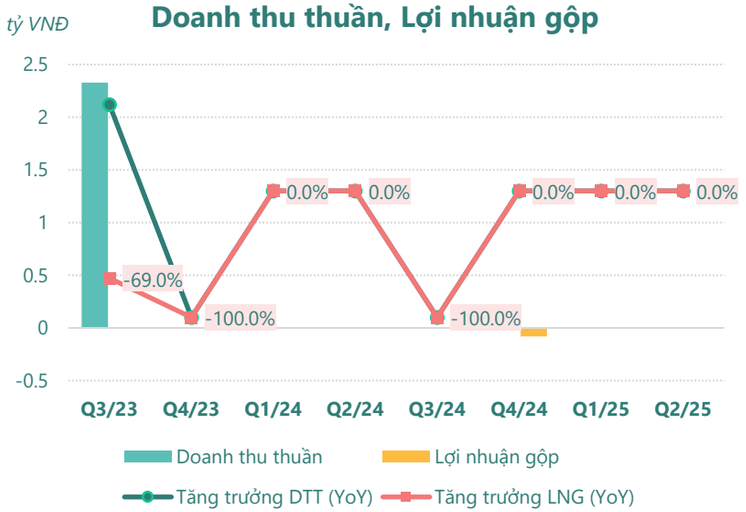


- Vũ Thị Thu Trang
- Nguyễn Chí Linh
- Nguyễn Văn Duy
- American LLC
- CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

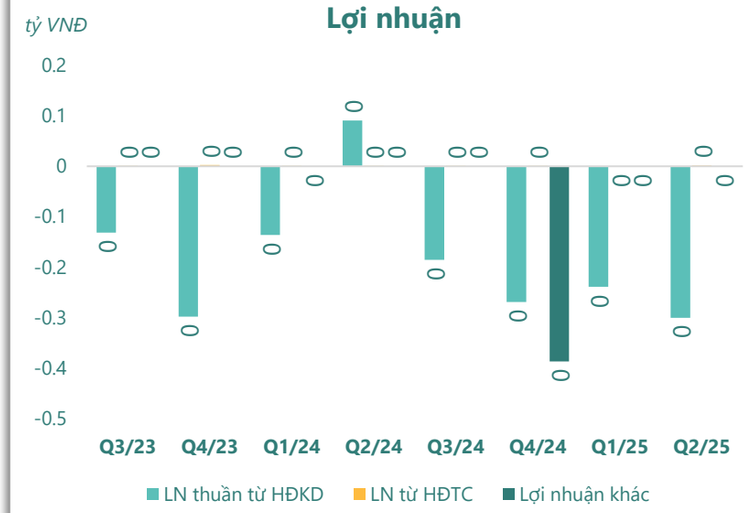
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



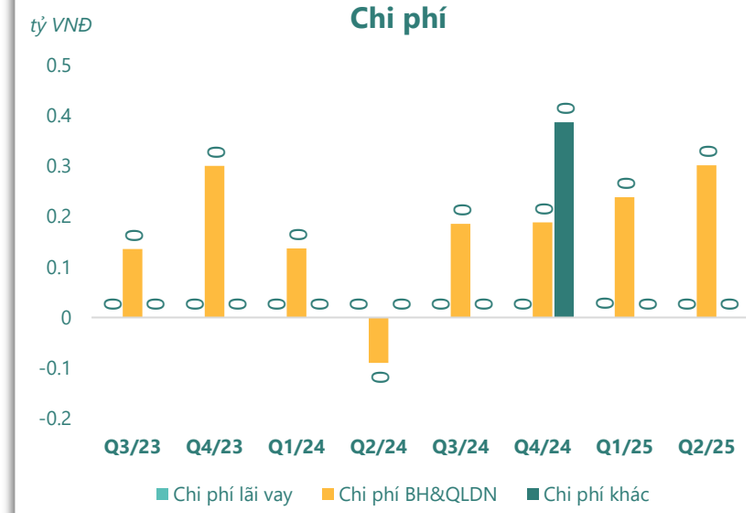
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



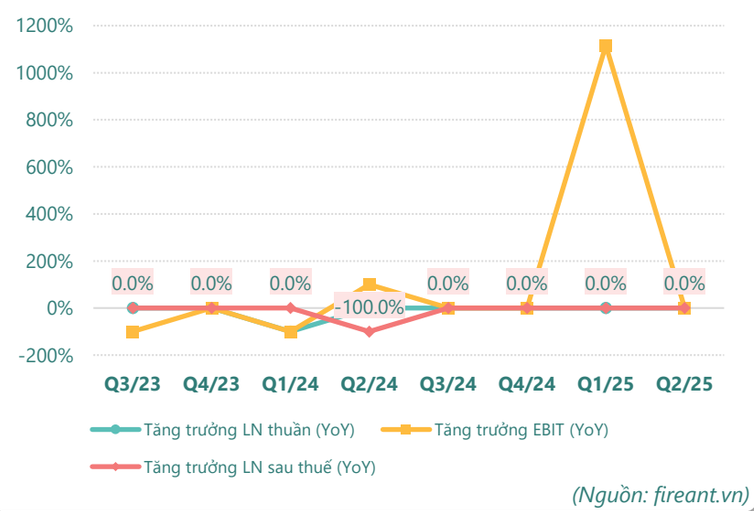
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



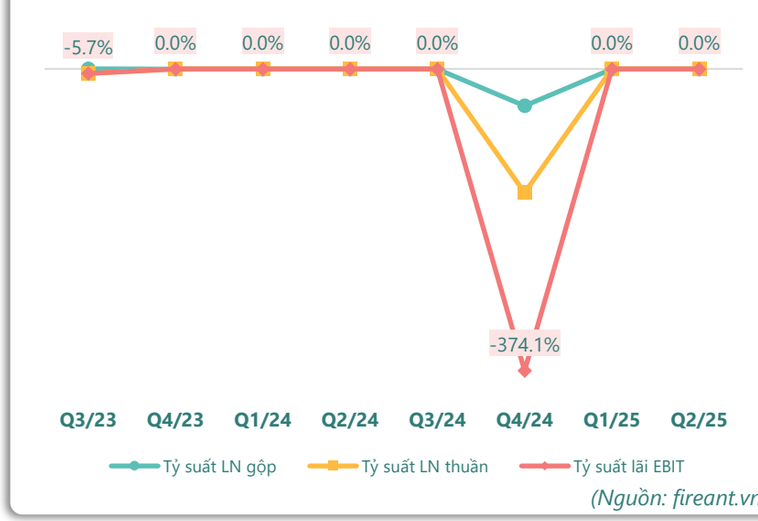
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



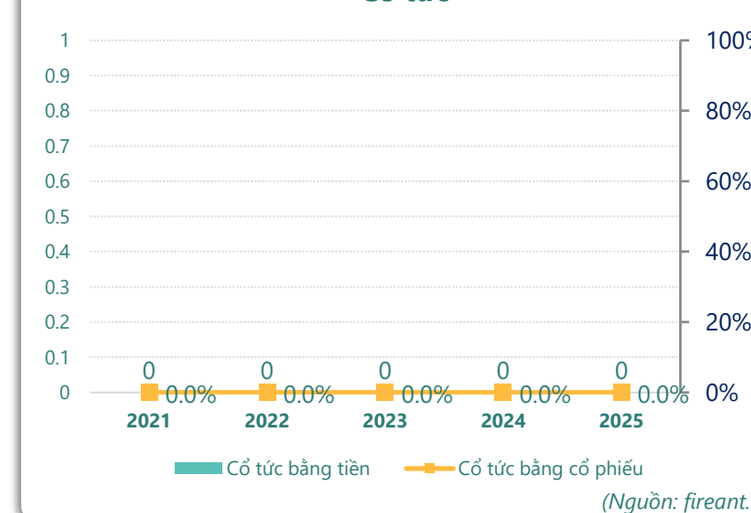
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

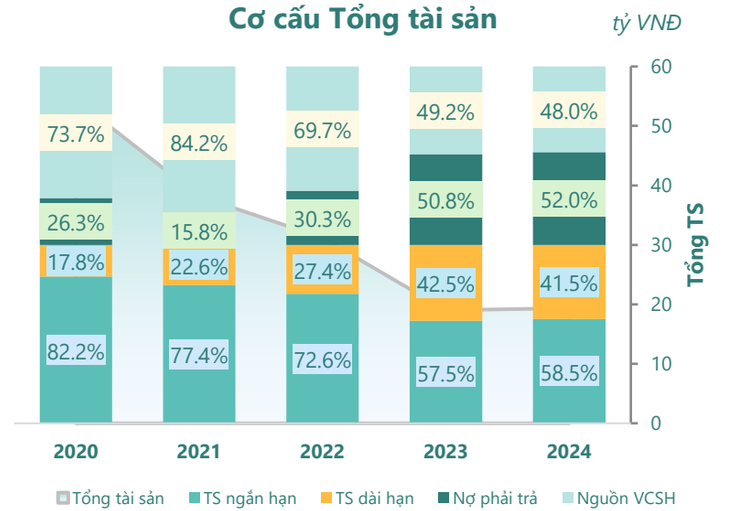
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

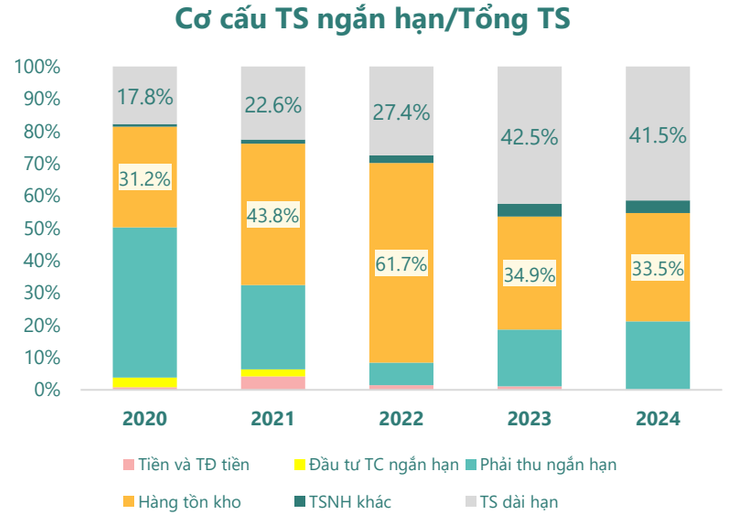
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



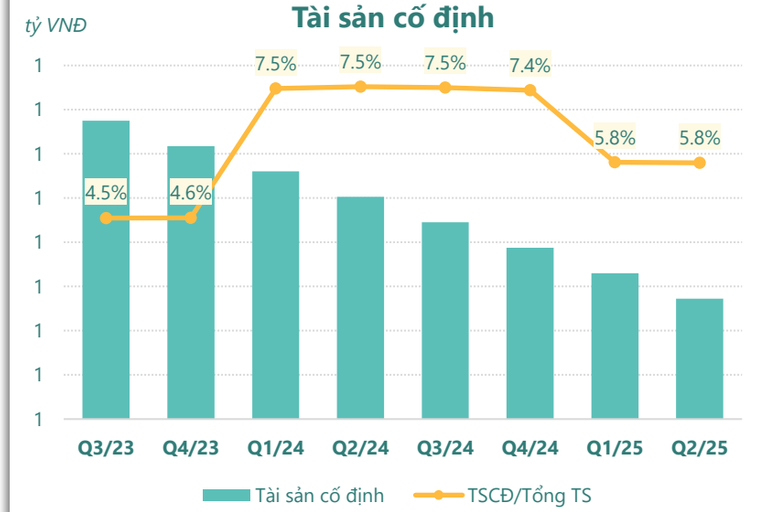
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



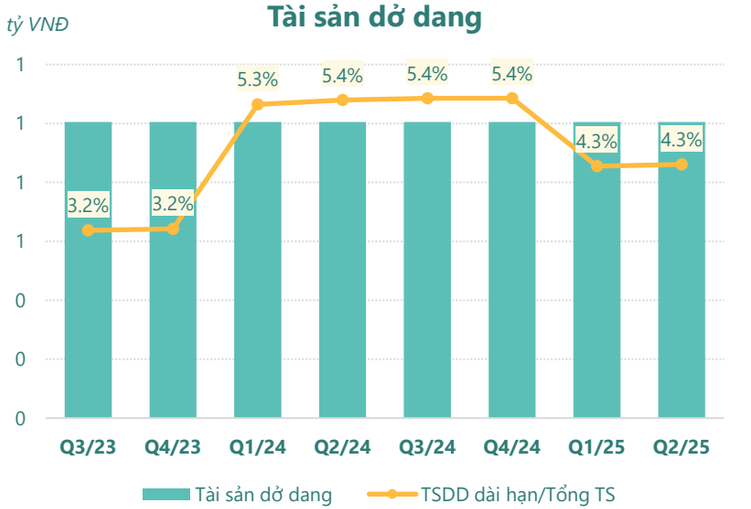
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



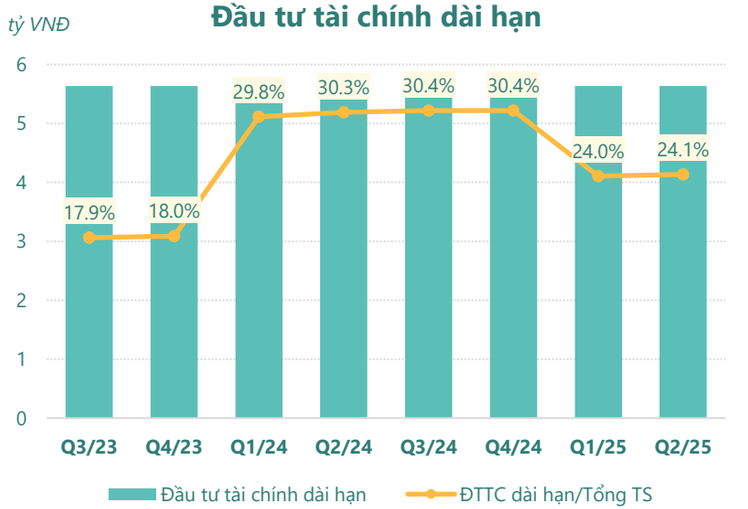
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



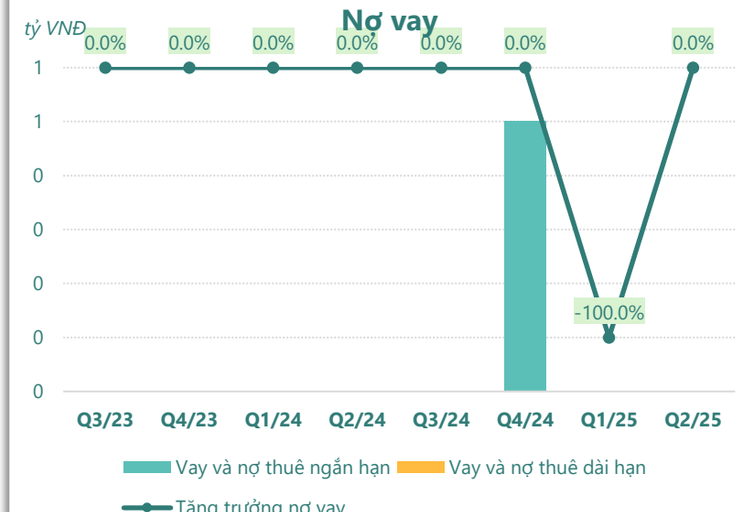
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

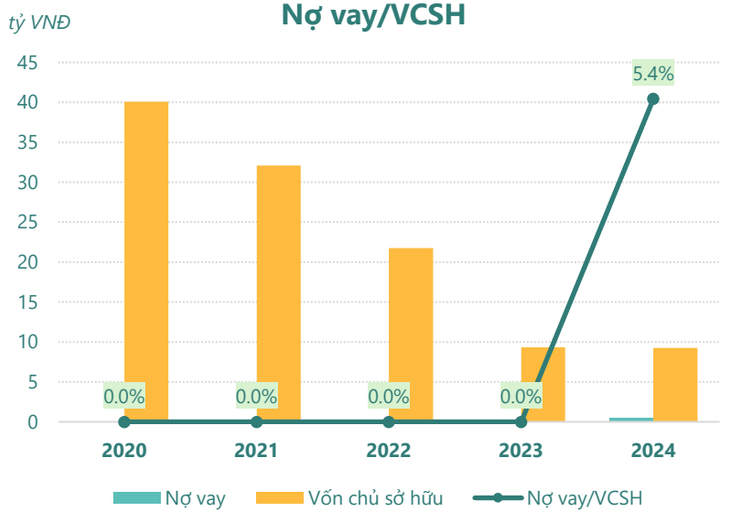
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

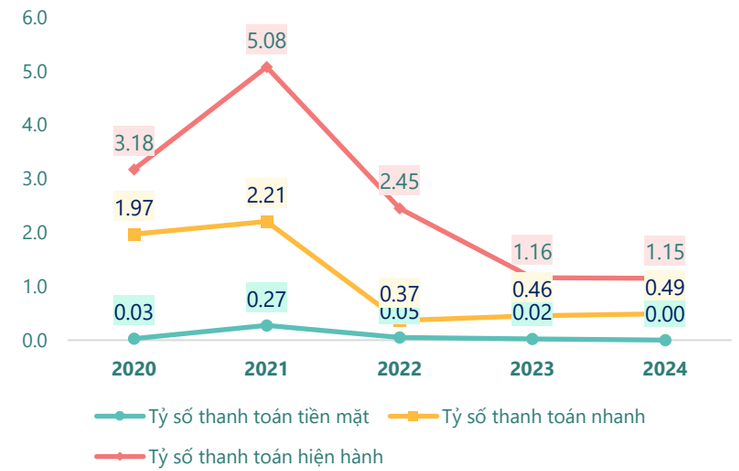
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



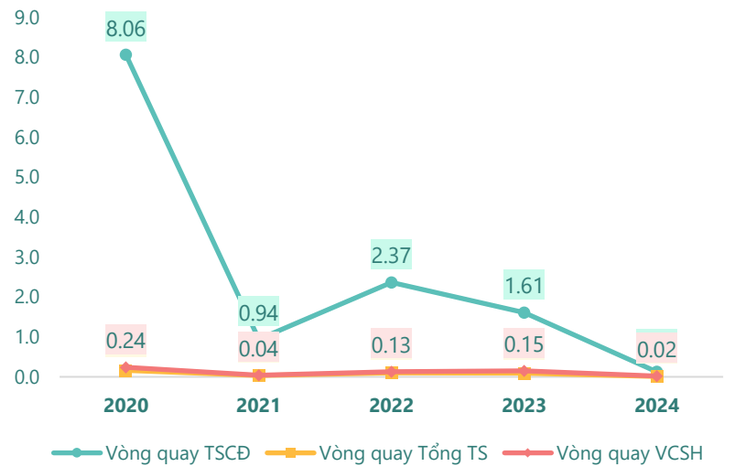
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



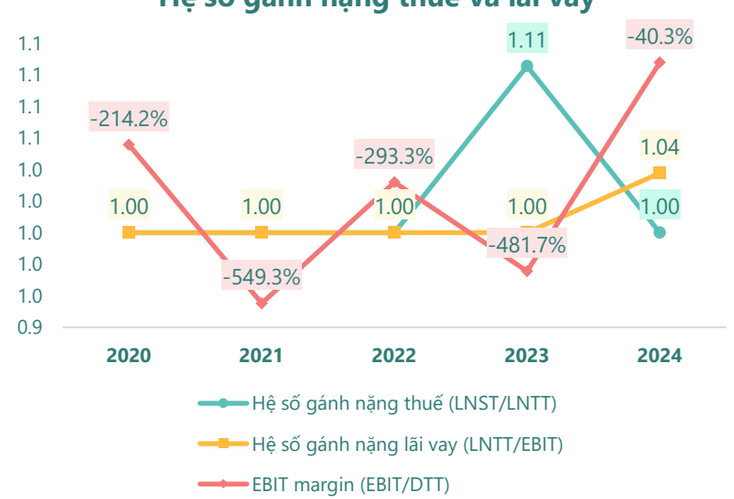
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



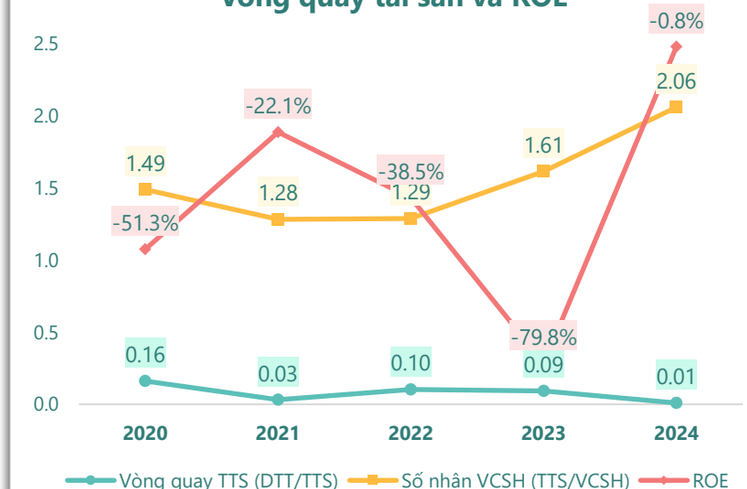
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



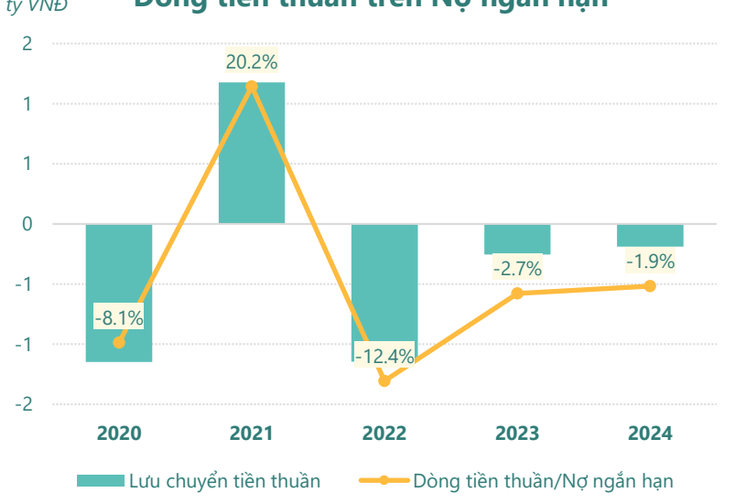
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	75.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.30**	**-0.09**	**436%**	**0.54**	**0.05**	**1047%**
LN thuần từ HĐKD	-0.30	0.09	-434%	-0.54	-0.05	-1081%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**-1654%**
LN trước thuế	-0.30	0.09	-434%	-0.54	-0.05	-1081%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.30**	**0.09**	**-434%**	**-0.54**	**-0.05**	**-1081%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.30**	**0.09**	**-434%**	**-0.54**	**-0.05**	**-1081%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.07	0.04	-0.15	-0.51	6.47	-0.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0.50	-0.50	0
Tiền đầu kỳ	0.20	0.13	0.17	0.01	0.01	5.98
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.07**	**0.04**	**-0.15**	**-0.01**	**5.97**	**-0.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.13	0.17	0.01	0.01	5.98	5.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**23.4**	**19.3**	**20.8%**
Tài sản ngắn hạn	15.3	11.3	35.4%
Tiền và tương đương tiền	5.72	0.01	62681%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.34	4.08	-42.6%
Hàng tồn kho	6.50	6.48	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	0.75	2.1%
Tài sản dài hạn	**8.04**	**8.02**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.35	1.38	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.01	1.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.64	5.64	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.6	10.1	45.4%
Nợ ngắn hạn	**14.4**	**9.84**	**46.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.51	4.49	0.4%
Nợ dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8.73**	**9.27**	**-5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**8.73**	**9.27**	**-5.8%**
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)